

Số: /GPMT-TNMT

Phú Thọ, ngày tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 2503/CV-Mylan ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH Sản xuất Giấy Mylan về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất Giấy Mylan, địa chỉ tại Lô C, Khu công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Sản xuất Giấy Mylan Phú Thọ” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy Sản xuất Giấy Mylan Phú Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C, Khu công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 5772558817 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ chứng nhận lần đầu ngày 27/09/2010, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 29/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 2600706224.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất kinh doanh, gia công các sản phẩm giấy vệ sinh, giấy rút; các sản phẩm khăn nén, khăn bông; các sản phẩm màng bọc thực phẩm; các sản phẩm tăm chỉ nha khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: tổng diện tích đất thực hiện dự án 18.758,2 m² tại Lô C, Khu công nghiệp Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B theo tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công; không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Giấy vệ sinh: 9.000 tấn/năm;

+ Giấy rút: 9.700 tấn/năm;

+ Khăn nén, khăn bông: 2.750 tấn/năm;

+ Màng bọc thực phẩm: 6.000 tấn/năm;

+ Tăm chỉ nha khoa: 1.300 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất Giấy Mylan:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất Giấy Mylan có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp Phú Thọ, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Công ty TNHH sản xuất Giấy Mylan;
- GD, PGD Sở (Ô Thọ);
- UBND huyện Tam Nông;
- BQL các KCN;
- Trung tâm Phát triển hạ tầng và Dịch vụ Khu công nghiệp;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Chi cục BVMT;
- Trung tâm Kỹ thuật, CNTN và MT (đăng tải);
- Lưu: VT (Long-10b).

Phạm Văn Quang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các xí tiêu tại nhà vệ sinh.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Một dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống thoát nước thải chung của KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Điểm đầu nối nước thải với hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp Trung Hà; phía Đông Bắc của dự án.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 2348930; Y= 559820 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24h.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (Cmax)	Tần suất quan trắc định kỳ (Chủ dự án đề xuất)
1	Lưu lượng	m^3/h	-	

2	pH	-	6 - 9	01 năm/lần
3	BOD ₅	mg/l	32,4	
4	COD	mg/l	81	
5	TSS	mg/l	54	
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4	
7	Amoni	mg/l	5,4	
8	Tổng Nitơ	mg/l	21,6	
9	Tổng photpho	mg/l	4,32	
10	Coliform	MPN/100ml	3.000	

(Ghi chú: Các thông số pH và Coliform không áp dụng hệ số K_q và K_f)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các xí nghiệp được xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại, tổng thể tích 50 m³ sau đó cùng với nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân, lau sàn được thu gom vào đường ống nhựa PVC D125, tổng chiều dài 220m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sau xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A, hệ số K_q = 0,9 và K_f = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Các công trình xử lý nước thải:

+ 04 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 50 m³).

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 05 m³/ngày.đêm, gồm các bể xử lý có thể tích lần lượt: Bể gom (2,916 m³); Bể điều hòa (2,916 m³); Bể thiếu khí (2,916 m³); Bể hiếu khí (2,916 m³); Bể lắng (3,11 m³); Bể khử trùng (3,11 m³); Bể chứa bùn (3,11 m³).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → hệ thống thoát nước thải chung của KCN Trung Hà, xã Dân Quyền,

huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (Hệ thống có 01 bể chứa bùn).

- *Hóa chất sử dụng*: Chế phẩm sinh học bón cầu, Hoá chất dinh dưỡng, Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hố ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu từ ngày 01/8/2024, kết thúc ngày 01/10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 05 m³/ngày.đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa.

- Mẫu nước thải đầu ra sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 87 Luật Bảo vệ

môi trường.

3.3. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông báo nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của 04 dây chuyền sản xuất giấy vệ sinh tại xưởng sản xuất số 1.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của 01 dây chuyền sản xuất tấm chỉ nha khoa tại xưởng sản xuất số 1.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của 02 dây chuyền sản xuất khăn nén tại khu vực xưởng sản xuất số 1.
- Nguồn số 4: Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của 01 dây chuyền sản xuất khăn bông tại khu vực xưởng sản xuất số 1.
- Nguồn số 5: Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của 06 dây chuyền sản xuất giấy rút tại khu vực xưởng sản xuất số 3.
- Nguồn số 6: Tiếng ồn từ hoạt động sản xuất của 4 dây chuyền sản xuất màng bọc thực phẩm tại khu vực xưởng sản xuất số 3.
- Nguồn số 7: Tiếng ồn từ hoạt động của máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung không tập trung được phát tán ra xung quanh.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung:

Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB	
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Biện pháp giảm tiếng ồn: Tự động hoá quá trình sản xuất, đầu tư máy móc sản xuất mới, hiện đại, bố trí máy móc hợp lý, không để nhiều máy gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn. Kiểm tra định kỳ các thiết bị gây ồn, bảo dưỡng theo quy định, bôi trơn thường xuyên các bộ phận chuyển động để giảm nhẹ tiếng ồn. Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung: Các máy móc tạo ra sự rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có lót cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

PHỤ LỤC 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
Tổng			10

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu, bao tay, vải nhiễm các thành phần nguy hại. Bao bì cứng đựng dầu mỡ	18 02 01	60
Tổng			60

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn nguyên liệu dư thừa, bao bì nilon, bao bì hộp nhựa, bìa carton, màng PE có khả năng tái chế, với khối lượng khoảng 275.970 kg/năm.

- Chất thải rắn là các sản phẩm lỗi hỏng không có khả năng tái chế, tái sử dụng, khối lượng phát sinh khoảng 14.530 kg/năm. Cụ thể:

+ Vải vụn, thừa không dệt từ quá trình cắt: 9.300 kg/năm

+ Dầu chun thừa, hỏng từ công đoạn sản xuất màng bọc thực phẩm: 690 kg/năm

+ Hạt nhựa cháy sống, bavaria nhựa từ công đoạn ép gọng tăm chỉ nha khoa: 4.500 kg/năm

+ Dầu chỉ tơ thừa, lỗi hỏng từ quy trình sản xuất tăm chỉ nha khoa: 40 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 28,5 kg/năm.

- Bùn từ hệ thống tự hoại phát sinh khoảng 3.360 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa....), giấy phế thải phát sinh với khối lượng khoảng 14,4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* 04 thùng, dung tích 60l/thùng.

2.1.2. *Kho lưu chứa:*

- Diện tích: 16 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* Không.

2.2.2. *Kho lưu chứa:*

- Diện tích: 40 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa có mái che kín, nền cứng hóa bằng bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* 05 thùng rác, dung tích 120 lít/thùng.

2.3.2. *Kho lưu chứa:* Không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ Môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.